

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: **Giảng viên** ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Y học**;

Chuyên ngành: **Truyền nhiễm và các Bệnh Nhiệt đới**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: BÙI VŨ HUY

2. Ngày tháng năm sinh: 16/11/1958 ; Nam Nữ;

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 4 - Phố Đỗ Hành – Phường Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng– Tp Hà Nội.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1 - Ngõ Hàng Bún – Phường Nguyễn Trung Trực - Quận Ba Đình – Tp Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương - 78 Đường Giải Phóng – Đống Đa – Tp Hà Nội

Điện thoại NR: Không có; Di động: 0903253828; E-mail: dr.vuhuy@yahoo.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 4/1982 đến tháng 11/1990: Bác sỹ điều trị - Khoa Truyền nhiễm - Bệnh viện Nhi Trung ương (BVNTU).

Từ tháng 12/1990 đến tháng 06/1991: Học bác sỹ Chuyên khoa Cấp 1, Chuyên ngành Nhi - Đại học Y Hà Nội (ĐHYHN).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Từ tháng 07/1991 đến tháng 7/1997: Bác.sỹ điều trị - Khoa Truyền nhiễm- BVNTU. Tham dự khóa “Quản lý bệnh Sốt xuất huyết Dengue tại cộng đồng” tháng 3 – 5 năm 1995, tại Thái Lan từ (học bổng Tổ chức Y tế thế giới).

Từ tháng 8/1997 đến tháng 12/2003: Nghiên cứu sinh trường ĐHYHN. Phó Trưởng Khoa Truyền nhiễm – BVNTU (bổ nhiệm tháng 9/2001). Tham dự khóa “Quản lý bệnh tại cộng đồng” tháng 10/2001, tại Philippin (01 tháng - học bổng Tổ chức Y tế thế giới).

Tháng 1/2004 đến tháng 1/2010: Phó Trưởng Khoa Truyền nhiễm – BVNTU. Tham dự khóa “Quản lý bệnh nhiễm trùng bao gồm cả HIV/AIDS” tại Israen (tháng 10 – 12/2007, học bổng Chính phủ Israen). Tham dự “Global health course”, tháng 8/2009 - Trường Đại học Minnesota – Mỹ.

Từ tháng 2/2010 đến 2/2011: Giảng viên Chính, Bộ môn Truyền nhiễm – ĐHYHN.

Từ tháng 3/2011 đến 6/2011: Giáo vụ Sau Đại học

Từ tháng 7/2011 đến 8/2012: P.Trưởng Bộ môn Truyền nhiễm, giáo vụ Sau Đại học (đến tháng 2/2013) – ĐHYHN, Ban biên tập tạp chí Điều dưỡng (tháng 6/2012 đến nay),

Từ tháng 09/2012 đến 6/2016: P.Trưởng Bộ môn Truyền nhiễm, kiêm Trưởng khoa Nhi – Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương (BVNĐTU), Ban biên tập tạp chí Truyền nhiễm Việt Nam (từ tháng 3/2013 đến nay).

Từ tháng 7/2016 đến 11/2018: Phó Chủ tịch Hội HIV/AIDS Việt Nam, Trưởng khoa Nhi – BVNĐTU, P.Trưởng Bộ môn Truyền nhiễm.

Chức vụ hiện nay: PGS, GVCC Bộ môn Truyền nhiễm - Trường ĐHYHN. Phó Chủ tịch Hội HIV/AIDS Việt Nam.

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Bộ môn Truyền nhiễm – trường ĐHYHN, kiêm nhiệm Trưởng khoa Nhi – BVNĐTU, Phó bí thư Chi bộ Da Liễu – Truyền nhiễm

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Truyền nhiễm - Trường ĐHYHN

Địa chỉ cơ quan: Số 1 Tôn thất Tùng - Đống Đa – TP Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: (84)04.38523798, E-mail: , Fax: .

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học:.....

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm: Chưa.

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không.

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không.

9. Trình độ đào tạo:

- Cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 05 năm 1984; số văn bằng 75–174/DH ; ngành: Y học
Chuyên ngành: Nhi. Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam
- Cấp bằng ThS: Không (học thặng tiến sỹ) Ngành: Chuyên ngành:
Nơi cấp bằng ThS (trường, nước):
- Cấp bằng Chuyên khoa 1, ngày 20/06/1991, số bằng 553/BYT-QĐ, ngành.Y học
Chuyên ngành: Nhi Nơi cấp bằng CK1: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam
- Cấp bằng TS, ngày 04 tháng 05 năm 2004; số văn bằng 03099 ngành:.Y học
Chuyên ngành: Truyền nhiễm. Nơi cấp bằng TS: Đại học Y Hà Nội, Việt nam
- Bằng Cao cấp lý luận Chính trị: Số hiệu bằng A 017290, cấp ngày 20/9/2016.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh PGS, Số 1478/PGS, ngày 10 tháng 11 năm 2011, Ngành: Y học

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GS tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: Bệnh Truyền nhiễm và các Bệnh Nhiệt đới, đặc biệt chuyên sâu các lĩnh vực

- **Dịch bệnh Sốt xuất huyết dengue:** Là dịch bệnh lưu hành tại Việt Nam, những năm trước đây bệnh có tỷ lệ nhập viện và tử vong cao, chưa có vaccin phòng bệnh. Tôi đã tiến hành nhiều công trình nghiên cứu cá nhân, tham gia dự án phòng chống Sốt xuất huyết Dengue của Bộ Y tế và thực hiện đề tài các cấp (Chủ nhiệm 01 đề tài Nhà nước – đề tài số 10, 01 đề tài cấp Tỉnh – đề tài số 9 và tham gia 02 đề tài cấp Nhà nước khác – đề tài số 2,3). Dựa trên những kiến thức thu được, tôi đã biên soạn 01 sách chuyên khảo (sách số 1), tham gia viết 02 sách hướng dẫn cho Bộ Y tế (sách số 18, 21), hướng dẫn 07 luận án/luận văn tốt nghiệp (01 NCS, 02 CKII, 02 CH và 02 BSNT), công bố 22 công trình nghiên cứu (bài báo số 8, 9, 11- 15, 59, 67 - 69, 71, 73, 77, 78, 80, 97 – 99, 103- 105, trong đó 06 công trình công bố trên các tạp chí Quốc tế uy tín 59, 67-69, 71, 73, đứng tên đầu 03 công trình).

- **Các bệnh nhiễm trùng hệ thần kinh trung ương:** như viêm màng não mủ, viêm não, viêm màng não lao là những bệnh rất phổ biến ở Việt Nam. Các bệnh này có tỷ lệ tử vong cao và di chứng để lại rất nặng nề. Tôi đã tiến hành nhiều nghiên cứu cá nhân. Từ những kết quả nghiên cứu, tôi đã biên soạn 01 sách chuyên khảo (sách số 2), hướng dẫn 06 luận văn tốt nghiệp (01 CKII, 03 CH và 02 BSNT) và công bố 20 công trình (bài số 1, 10, 16, 17, 19 – 24, 26 -31, 34, 76, 86, 92, trong đó 01 công trình công bố trên tạp chí Quốc tế uy tín - bài số 1).
- **Bệnh mới nổi, tái nổi và sức khỏe cộng đồng:** Khi các bệnh mới nổi, tái nổi trở thành vấn đề sức khỏe cộng đồng, tôi đã triển khai hướng nghiên cứu này để đáp ứng nhu cầu phòng chống dịch bệnh tại Việt Nam. Ngoài tham gia 01 đề tài cấp Nhà nước về bệnh Tay – Chân – Miệng (đề tài số 8), tôi thực hiện 04 đề tài cơ sở (đề tài 4 - 7), tham gia dự án phòng chống HIV/AIDS của Bộ Y tế, hợp tác với các mạng lưới nghiên cứu Quốc tế và công bố nhiều công trình nghiên cứu, gồm:
 - + **Các bệnh mới nổi:** Kết hợp với mạng lưới nghiên cứu bệnh nhiễm khuẩn đa trung tâm (South East Asian Infectious Disease Clinical Research Network) của Đại học Oxford nghiên cứu điều trị cúm (bài báo 39). Riêng bệnh HIV/AIDS, tôi đã đi đầu trong nghiên cứu về HIV/AIDS ở trẻ em (các bài 25, 32, 33, 36 - 38 và công bố 02 bài Quốc tế đứng tên đầu số 45, 55). Đồng thời tôi đã tham gia nghiên cứu cùng các mạng lưới Quốc tế:
 - Mạng lưới nghiên cứu HIV ở trẻ em vùng Châu Á – Thái Bình dương (bài số 2, 3, 40, 41 và 01 bài đứng tên đầu số 51) và toàn cầu (bài báo số 4 và 42).
 - Mạng lưới nghiên cứu HIV ở người lớn Châu Á – Thái Bình dương (bài số 43, 44, 49, 50, 52-54, 56,57, 60-63, 70, 72, 74) và toàn cầu (bài 58, 64, 75).
 - Mạng lưới Lao – HIV vùng Châu Á (bài số 47, 48, 65) và toàn cầu (bài số 46, 66).
 - + **Các bệnh tái nổi:** như sởi (bài 35, 82, 83), sốt rét (bài 84), ho gà (bài 91), sốt mò (bài 96, 100).
 - + **Các bệnh bị lãng quên:** như bệnh sán (bài 79), bệnh do nấm (bài 81).

Trong hướng nghiên cứu này, tôi đã hướng dẫn 14 học viên làm luận án/luận văn tốt nghiệp (2 NCS, 3 CKII, 3 CH, 6 BSNT). Từ những kiến thức đạt được, riêng bệnh HIV/AIDS tôi tham gia biên soạn 11 cuốn sách, gồm 05 sách HD cho Bộ Y tế (sách số

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước (17, 19, 20, 22, 23), 02 GT của trường Đại học Y Hà Nội (sách số 4,5), 04 sách TK cho Bộ Y tế, Hội Y khoa lâm sàng HIV/AIDS và bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương (sách số 9, 10, 11, 16).

Ngoài ra, tôi còn tham gia biên soạn 08 cuốn sách khác phục vụ công tác đào tạo, gồm 04 GT cho trường Đại học Y Hà nội (sách số 3, 6, 7 ,8, đồng chủ biên 01 cuốn), 04 sách TK (sách số 12 – 15) và 01 sách HD (sách số 24) cho cơ sở đào tạo của Bộ môn (bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn: 03 NCS bảo vệ thành công luận án tiến sỹ (hướng dẫn chính 02).
- Đã hướng dẫn: 24 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT;
- Đã hoàn thành 10 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:
 - + NCKH cấp Nhà nước: 04 đề tài (chủ nhiệm: 01 đề tài, tham gia: 03 đề tài).
 - + NCKH cấp Bộ/Tỉnh: 02 đề tài (Chủ nhiệm: 01 đề tài, tham gia: 01 đề tài).
 - + NCKH cấp cơ sở: Chủ nhiệm 04 đề tài.
- Đã công bố: 105 công trình khoa học, trong đó có 41 công trình trên các tạp chí quốc tế có uy tín.
- Đã được cấp (số lượng) ... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không
- Số lượng sách đã xuất bản 24 cuốn, tại các nhà xuất bản có uy tín trong nước.
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Huân chương Lao động hạng Ba: Quyết định số 611/QĐ-CTN, ngày 30 tháng 05 năm 2022 : “*Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2016 đến năm 2020, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc*”.

Thầy thuốc ưu tú: Quyết định số 367/QĐ-CTN ngày 24/02/2017

Bảng khen chính phủ: 02

- “*Đã có thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc*”. QĐ số 482/QĐ-TTg, ngày 25/03/2016.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- “*Đã có thành tích trong công tác từ năm 2011 đến năm 2015, góp phần vào sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân*”. QĐ số 1768/QĐ-TTg, ngày 08/09/2016.

Chiến sỹ thi đua Bộ Y tế: 02

- Chiến sỹ thi đua Bộ Y tế QĐ số 3375/QĐ-BYT, ngày 31/07/2020
- Chiến sỹ thi đua Bộ Y tế, QĐ số 393/QĐ-BYT, ngày 04/02/2016.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Đạt các tiêu chuẩn:

- Lập trường, tư tưởng: kiên định, thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.
- Phẩm chất, đạo đức: trung thực, khách quan, hợp tác tốt với đồng nghiệp, đạt thành tích cao trong các công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các lĩnh vực quản lý được phân công.
- Đạt trình độ chuẩn được đào tạo: về chuyên môn, nghiệp vụ, luôn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu trong thời kỳ mới, theo kịp trình độ thế giới.
- Đủ sức khỏe trong công tác.

Hoàn thành tốt các nhiệm vụ:

- Giáo dục, giảng dạy theo đúng mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục.
- Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ của công dân, các quy định của pháp luật và các nội quy, quy chế của viện, trường.
- Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo, tôn trọng và đối xử công bằng với học trò, bảo vệ quyền lợi và lợi ích chính đáng của học trò.
- Không ngừng học tập, rèn luyện chuyên môn, phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, cập nhật kiến thức chuyên môn, phương pháp giảng dạy.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 20 năm (từ khi tốt nghiệp tiến sỹ).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày 30/6/2022:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016- 2017	01		02	0	23,2	669,2	692,4/792,4/360
2	2017 - 2018			03	0	19,2	823	842,2/925,2/360
3	2018 - 2019		01	03	0	4,0	762,9	766,9/841,9/360
03 năm học cuối								
4	2019 - 2020			03	0	13,6	660,9	674,5/816/360
5	2020 - 2021	01		01	0	10,4	478,8	489,2/564,2/360
6	2021 - 2022			01	0	8,4	491,1	499,5/549,5/360

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với GV ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với GV ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của GV thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của GV cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ nămđến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước:năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- **Bằng tốt nghiệp Ngoại ngữ:** *Tốt nghiệp chương trình nâng cao (hệ 4 năm) tiếng Anh - Hệ tại chức trường Đại học sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội.*

Số bằng: A 2222, Cấp ngày 17 tháng 09 năm 1988

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

+ Trường Đại học Minnesota – Mỹ (xác nhận ngắn hạn, năm 2009; Tr 48, Tập 1)

+ Tại Bộ môn Truyền nhiễm – Trường Đại học Y Hà nội và Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Sau khi tốt nghiệp trường ĐHSPP Ngoại ngữ, tôi thường xuyên sử dụng tiếng Anh trong chuyên môn, đọc tài liệu, viết đề cương và công bố các công trình nghiên cứu, tham gia các mạng lưới nghiên cứu và hội nghị Quốc tế. Cụ thể:

- Năm 1994 công bố công trình: “*Early mental and neurological sequelae after Japanese B encephalitis*”, trên tạp chí: *Southeast Asian J Trop Med Public Health*. 1994 Sep;25(3):549-53 (trang 52 Tập I và bài báo số 1).

- Tham gia các giải thi Quốc tế (giấy xác nhận trang 53, Tập I).

- Thảo luận, biên soạn tài liệu: các dự án IMCI, HIV....Với chuyên gia WHO, dự án Ủy ban Y tế Hà lan, World Bank, Clinton foundation...

- Từ năm 2005 đến nay: tham gia các mạng lưới nghiên cứu Quốc tế với vai trò Nghiên cứu viên chính (PI), Trợ lý nghiên cứu viên chính (Co-PI), nghiên cứu viên, tham gia tập huấn nghiên cứu, xây dựng Hội đồng Y đức (minh chứng trang 54-56) và thực hiện nhiều nghiên cứu:

+ Mạng lưới bệnh nhiễm khuẩn đa trung tâm (South East Asian Infectious Disease Clinical Research Network) do Đại học Oxford và Viện sức khỏe Hoa Kỳ tài trợ (minh chứng trang 58, Tập I).

- + Các mạng lưới nghiên cứu HIV/AIDS đa trung tâm ở trẻ em: Châu Á–Thái Bình dương (TApHOD-TREAT Asia Paediatrics HIV Observational Database) và toàn cầu (minh chứng trang 54, 56 Tập I và các bài báo).
- + Các mạng lưới nghiên cứu HIV/AIDS đa trung tâm ở người lớn: Châu Á–Thái Bình dương (TAHOD -TREAT Asia HIV Observational Database) và toàn cầu (minh chứng trang 55 Tập I và các bài báo).
- + Mạng lưới nghiên cứu Lao – HIV: Châu Á và toàn cầu ở trẻ em và người lớn (đã liệt kê tại trang 4).
- Dự các Hội nghị Quốc tế: Là chủ tọa, báo cáo viên, khách mời (minh chứng trang 58-62, Tập I).

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

Bằng tốt nghiệp Ngoại ngữ: *chương trình nâng cao (hệ 4 năm) tiếng Anh - Hệ tại chức trường Đại học sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội. Số bằng A 2222, Cấp ngày 17/09/1988.*

Chứng chỉ tham dự các khóa đào tạo: “Quản lý bệnh Sốt xuất huyết Dengue tại cộng đồng” tại Thái lan (03 tháng, học bổng WHO), “Quản lý bệnh tại cộng đồng” tại Philippin (01 tháng, học bổng WHO), “Quản lý bệnh nhiễm trùng bao gồm cả HIV/AIDS” tại Israen (03 tháng, học bổng Chính phủ Israen), “Global health course”, giấy mời của Trường Đại học Minnesota – Mỹ (minh chứng trang 57, 63, 64, Tập I).

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn từ...đến	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1.	Ngô Anh Thế	x		x		30/3/2012 - 27/10/2017	Đại học Y Hà Nội	Ngày 27 tháng 10 năm 2017
2.	Vũ Minh Điền	x			x	25/12/2015 – 14/4/2019	Đại học Y Hà Nội	Ngày 14 tháng 4 năm 2020
3.	Đặng Thị Thúy	x		x		28/12/2018 – 26/8/2021	Đại học Y Hà Nội	Ngày 07 tháng 12 năm 2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận)
I	SÁCH CHUYÊN KHẢO						
1.	Bệnh sốt xuất huyết Dengue và các giải pháp điều trị, phòng bệnh.	CK	NXB Y học. 2018 (ISBN: 978-604-66-3504-8)	01	X	Biên soạn	<p>QĐ Hội đồng thẩm định số 1133/QĐ-ĐHYHN ngày 10/5/2022</p> <p>QĐ số 1147/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/05/2022, ban hành sử dụng cuốn sách chuyên khảo cho đào tạo Sau đại học “Bệnh sốt xuất huyết Dengue và các giải pháp điều trị, phòng bệnh”</p>
2.	Bệnh viêm màng não nhiễm khuẩn (viêm màng não mủ)	CK	NXB Y học. 2020 (ISBN: 978-604-66-4668-6)	01	X	Biên soạn	<p>QĐ Hội đồng thẩm định số: 1133/QĐ-ĐHYHN ngày 10/5/2022</p> <p>QĐ số: 1147/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/05/2022, Ban hành sử dụng cuốn sách chuyên khảo cho đào tạo Sau đại học “Bệnh viêm màng não nhiễm khuẩn (Viêm màng não mủ)”</p>

II		SÁCH GIÁO TRÌNH					
3.	Bài giảng Dạy – Học lâm sàng qua tình huống	GT	NXB Y học. 2013 (ISBN: 8 935 218 403 690)	40		Ban biên tập	QĐ Hội đồng thẩm định số 2394/QĐ- ĐHYHN ngày 03/07/2013
4.	Dự phòng lây nhiễm HIV	GT	NXB Y học. 2013 (Số đăng ký kế hoạch xuất bản số: 852-2013/ CXB/2-100/YH)	19		Biên soạn 97-112	QĐ Hội đồng thẩm định số 2394/QĐ- ĐHYHN ngày 03/07/2013
5.	Phòng, chống HIV/AIDS	GT	NXB Y học. 2014 (Quyết định Bộ Y tế Số: 407/QĐ –BYT. Ngày 27/1/2014) ISBN: 978-604- 66-0657-4	29		Biên soạn 161-76	QĐ Hội đồng thẩm định số 1428/QĐ- ĐHYHN ngày 23/05/2016
6.	Giáo trình dịch tễ học một số bệnh phổ biến	GT	NXB Y học. 2019 (ISBN: 978-604- 66-3948-0)	22		Biên soạn 167-176	QĐ ban hành số: 3590/QĐ- ĐHYHN ngày 16/7/2018
7.	Bài giảng Bệnh truyền nhiễm	GT	NXB Y học. 2019 (ISBN: 978-604- 66-2117-1)	12		Biên soạn 138-149 162-172 173-181 211-227 305-315 328-334 386-397	QĐ Hội đồng thẩm định số 16/QĐ-ĐHYHN ngày 09/1/2019 QĐ ban hành số 3663/QĐ- ĐHYHN ngày 05/8/2019

8.	Chẩn đoán và xử trí Bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng	GT	NXB Y học. 2020 (ISBN: 978-604-66-4061-5)	11	X	Biên soạn 1-39; 190-215	QĐ Hội đồng thẩm định số 17/QĐ-ĐHYHN Ngày 4/1/2019 QĐ ban hành số 1492/QĐ-ĐHYHN ngày 30/5/2019
III	SÁCH THAM KHẢO						
9.	Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân HIV/AIDS tập 1	TK	NXB Y học. 2014 (ISBN: 978-604-66-0669-7)	15		Biên soạn 60-71; 96 -116	QĐ Hội đồng thẩm định số 1497/QĐ-VSR Ngày 24/7/2017
10.	Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân HIV/AIDS tập 2	TK	NXB Y học. 2014 (ISBN: 978-604-66-0669-7)	15		Biên soạn 82-92; 93-102	Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách của Viện Sốt rét - Kí sinh trùng – Côn trùng Trung ương
11.	Cẩm nang lâm sàng chăm sóc và điều trị HIV/AIDS	TK	NXB Y học. 2016 (ISBN: 978-604-66-1671-9)	11		Biên soạn 15-17; 20 -25 39-43 46-52	QĐ Hội đồng thẩm định số 1495/QĐ-VSR Ngày 24/7/2017 Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách của Viện Sốt rét - Kí sinh trùng – Côn trùng Trung ương

12.	Hướng dẫn chăm sóc các bệnh truyền nhiễm và bệnh nhiễm khuẩn	TK	NXB Y học. 2016 (ISBN: 978-604-66-2112-6)	7		Biên soạn 9-19; 61-67; 214-220	QĐ Hội đồng thẩm định số 1493/QĐ-VSR Ngày 24/7/2017 Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách của Viện Sốt rét - Kí sinh trùng - Côn trùng Trung ương
13.	Quy trình kỹ thuật chuyên ngành truyền nhiễm	TK	NXB Y học. 2017 (ISBN: 978-604-57-1480-5)	25		Biên soạn	QĐ Hội đồng thẩm định số 1499/QĐ-VSR Ngày 24/7/2017 Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách của Viện Sốt rét - Kí sinh trùng - Côn trùng Trung ương
14.	Dự phòng và chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS	TK	Quyết định Bộ Y tế; Số 7407/ BYT-K2ĐT, ngày tháng 10/2010; Xuất bản năm 2011 (Đại học Harvard và CDC Hoa Kỳ hỗ trợ)	20		Hiệu đính	
15.	Chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh Truyền nhiễm, nhiệt đới	TK	NXB Y học. 2016 (ISBN:978-604-66-2370-0)	12	X	Biên soạn 1-73	
16.	Chẩn đoán và điều trị bệnh truyền nhiễm	TK	NXB Y học. 2017 (ISBN: 978-604-57-1480-5)	25		Biên soạn 7-11	

IV		SÁCH HƯỚNG DẪN					
17.	Hướng dẫn chăm sóc giảm nhẹ đối với người bệnh ung thư và AIDS	HD	NXB Y học. 2006 (Quyết định Bộ Y tế Số: 3483/QĐ-BYT, ngày 15/9/2006) Giấy phép xuất bản số: 318-2006/CXB/51-31/YH	39		Biên soạn, Cố vấn	Quyết định số 1921/QĐ-ĐHYHN ngày 28/6/2011
18.	Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị sốt Dengue và sốt xuất huyết Dengue	HD	NXB Y học. 2009 (Quyết định Bộ Y tế: Số 794/QĐ-BYT, ngày 9/3/2009) Giấy phép xuất bản số: 1048-2009/CXB/2-160/YH	24		Biên soạn, Hiệu đính	Quyết định số 1921/QĐ-ĐHYHN ngày 28/6/2011
19.	Quy trình chăm sóc và điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	HD	NXB Y học. 2007 (Quyết định Bộ Y tế: Số 4361/QĐ-BYT, ngày 7/11/2007) Giấy phép xuất bản số: 250-2007/CXB/10-53/YH	25		Thư ký biên soạn	Quyết định số 1921/QĐ-ĐHYHN ngày 28/6/2011
20.	Quy trình điều trị HIV/AIDS bằng thuốc kháng vi rút HIV (ARV)	HD	NXB Y học. 2007 (Quyết định Bộ Y tế: Số 2051/QĐ-BYT, ngày 09/6/2006) Giấy phép xuất bản số: 61-2007/CXB/35-11/YH	21		Thư ký biên soạn	Quyết định số 1921/QĐ-ĐHYHN ngày 28/6/2011

21.	Cẩm nang điều trị sốt xuất huyết Dengue	HD	NXB Y học. 2011 (Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 240-2011/CXB/4-20/YH)	34		Biên soạn	Quyết định số 2140/QĐ-ĐHYHN ngày 26/07/2012
22.	Hướng dẫn xét nghiệm phát hiện nhiễm HIV cho trẻ em dưới 18 tháng tuổi	HD	Quyết định Bộ Y tế: Số 1053/QĐ-BYT, ngày 02/4/2010 ĐKKHXB:123-2011/CXB/187-15/GTVT Xuất bản năm 2011 (WHO tài trợ)	21		Biên soạn: 10-17, 26-36	
23.	Quy định và hướng dẫn thực hiện chăm sóc người nhiễm HIV tại nhà và cộng đồng	HD	Nhà xuất bản Thời đại. 2010 (Quyết định Bộ Y tế: Số 1782/QĐ-BYT, ngày 27/5/2010) Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 779-2010/CXB/11-29/TĐ	11		Biên soạn: 15 – 17; 19 - 45	
24.	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm	HD	Nhà xuất bản Y học. 2016 (Quyết định Bộ Y tế: Số 5642/QĐ-BYT, ngày 31/12/2015) Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 226-2016/CXBIPH/4-09/IH	26		Biên soạn	QĐ Hội đồng thẩm định số 1508/QĐ-VSR Ngày 24/7/2017 Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách của Viện Sốt rét - Kí sinh trùng – Côn trùng Trung ương

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách CK do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS: **Chủ biên gồm 02 sách CK (số 1 và số 2) và 01 sách GT (số 8) và 01 sách TK (số 14).**

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần UV biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến...(VD: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN PGS				
1.	Điều tra cơ bản về tình hình sức khỏe và bệnh tật trẻ em ở Tây Nguyên và Hậu Giang	Tham gia	Cấp Bộ	12 tháng (từ tháng 01/1985 – 12/1985)	Kết quả đề tài lưu trên Kỷ yếu công trình NCKH viện BVSKTE 1980-1985 (trang 183 và bài báo số 5)
2.	Biểu hiện lâm sàng, các dấu hiệu chẩn đoán sớm hội chứng sốc dengue và giải pháp điều trị (64 A01)	Tham gia	64 A01 Cấp Nhà nước	4 năm (1984 -1988)	Năm 1988 Xuất sắc (Có xác nhận của GS Đào Đình Đức chủ nhiệm đề tài)
3.	Nghiên cứu sản xuất bộ sinh phẩm để chẩn đoán nhanh bệnh sốt Dengue/sốt xuất huyết Dengue và bệnh viêm đường hô hấp cấp (SARS) ở Việt Nam.	Tham gia	KC.04.32 Cấp Nhà nước	36 tháng (01/2005 đến 12/2007)	- QĐHD nghiệm thu: 2925/QĐ-BKHCN, ngày 05 tháng 12 năm 2007 - QĐ công nhận kết quả: 6701/KĐ-TTKHCN, ngày 28 tháng 12 năm 2007
4.	Ứng dụng cơ sở dữ liệu để giám sát trẻ em nhiễm HIV/AIDS	CN	Đề tài cơ sở Số 49 QĐ-KHCN BV Nhi TW	10 tháng (từ tháng 03/2008 đến 12/2008)	QĐHD nghiệm thu: 517 QĐ-KHKT, ngày 27 tháng 12 năm 2008 Xếp loại: Đạt

5.	Đánh giá tình hình bệnh tật và kết quả điều trị bằng thuốc ARV cho trẻ em tại Trung tâm Lao động Số 2 – Ba vì	CN	Đề tài cơ sở Số 54 QĐ-KHCN - BV Nhi TW	10 tháng (từ 03/2008 đến 12/2008)	QĐHD nghiệm thu: 546/QĐ-KHKT, ngày 15 tháng 12 năm 2008 Xếp loại: Khá
6.	Sổ tay hướng dẫn chăm sóc trẻ nhiễm HIV (<i>Ủy Ban Y tế Hà Lan đặt hàng khẩn</i>)	CN	Đề tài cơ sở Số 293 QĐ-KHCN - BV Nhi TW	6 tháng (từ 30/06//2008 đến 12/2008)	QĐHD nghiệm thu: 516/QĐ-KHKT, ngày 27 tháng 12 năm 2008 Xếp loại: Đạt
7.	Một số đặc điểm bệnh tay chân miệng ở trẻ em	CN	Đề tài cơ sở Số 1241/QĐ-ĐHYHN	12 tháng (từ 04/2008 đến 03/2009)	QĐHD nghiệm thu: 1249/QĐ-ĐHYHN, ngày 17 tháng 05 năm 2011 Xếp loại: Xuất sắc
II	SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN PGS				
8.	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng, phương pháp chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Chân Tay Miệng tại Việt Nam	Tham gia	ĐTĐL/2011G/56 Cấp Nhà nước	48 tháng (09/09/2010 đến 11/10/2014)	QĐHD nghiệm thu: 2220/QĐ-BKHCN, ngày 26 tháng 08 năm 2014 QĐ công nhận kết quả: 717/QĐ-BKHCN, ngày 10 tháng 04 năm 2015 Xếp loại: Khá
9.	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị bệnh sốt xuất huyết Dengue tại bệnh viện tỉnh Hà Nam, vụ dịch năm 2016	CN	418/QĐ-SKHCN Cấp tỉnh	12 tháng (24/8/2016 đến 03/11/2017)	QĐHD nghiệm thu: 504/QĐ-SKHCN, ngày 26 tháng 10 năm 2016 QĐ công nhận kết quả: 450/2017/XNKQKHCN, ngày 15 tháng 11 năm 2017 Xếp loại: 87/100 Điểm

10.	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, giá trị của các dấu ấn sinh học (Biomarkers) trong tiên lượng bệnh sốt xuất huyết dengue	CN	CK.10.22/16-20 Cấp Nhà nước	24 tháng (09/11/2017 đến 20/12/2019)	QĐHĐ nghiệm thu: 3761/QĐ-BKHCN, ngày 13 tháng 12 năm 2019 - QĐ công nhận kết quả: 1179/QĐ-BKHCN, ngày 06 tháng 05 năm 2020 Xếp loại: Xuất sắc
-----	--	----	--------------------------------	---	---

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN PGS								
Các công trình công bố tạp chí quốc tế								
1.	Early mental and neurological sequelae after Japanese B encephalitis	4	X	Southeast Asian J Trop Med Public Health	Science Citation Index Expanded (năm 1994 đạt Q2)		8(3) 549-53	1994
2.	Antiretroviral Therapy Outcomes of HIV-infected children in the TREAT Asia Pediatric HIV Observational Database	52		J Acquir Immune Defic Syndr. (Q1)	SCIE (IF= 4,13)		55(4): 503-509	2010 Dec

3.	Second-line highly active antiretroviral therapy in Asian HIV-infected children	18		3 rd International Workshop on HIV Pediatrics 15 – 16 July 2011, Rome, Italy				2011 July
4.	A biregional survey and review of first-line treatment failure and second-line paediatric antiretroviral access and use in Asia and southern Africa”.	71		Journal of the International AIDS Society (Q1)	SCIE /Scopus (IF =3.85)		14(7)	2011
Các công trình công bố tạp chí trong nước								
5.	Điều tra cơ bản về tình hình sức khỏe và bệnh tật trẻ em ở Tây Nguyên và Hậu Giang	7		Nhi Khoa (Kỹ yếu công trình NCKH 1980- 85)			Tr:14-21	1985
6.	Tập quán cho con bú ở các bà mẹ Tây Nguyên và Hậu Giang	2		Y học Việt Nam			6 (135) Tr 30-35	1986
7.	Các yếu tố môi trường tự nhiên và xã hội và bệnh tật trẻ em dân tộc Êđê (Tây Nguyên)	5		Y học Việt Nam			140-141(5+6) Tr 45-52	1987
8.	Nhân một trường hợp phát hiện kháng thể đặc hiệu virus Dengue trên một bệnh nhân viêm não	3	X	Nhi Khoa			2(2) Tr 64-7	1993

9.	Nghiên cứu lâm sàng hội chứng sốc dengue	2	X	Y học Thực hành			6 Tr 12-3	1994
10.	Tìm hiểu những nguyên nhân dẫn đến chẩn đoán không phù hợp giữa viêm màng não lao và viêm màng não nhiễm khuẩn cấp tính ở trẻ em	4		Y học Thực hành			5 Tr 2-4	1994
11.	Nhận xét về lâm sàng bệnh sốt xuất huyết dengue trong vụ dịch 1983 tại Viện Bảo vệ sức khỏe trẻ em	2		Nhi Khoa			4(1) Tr 28-31	1995
12.	Nhận xét về lâm sàng bệnh sốt dengue – sốt xuất huyết dengue ở trẻ em	3	X	Y học Thực hành			4 Tr 23-5	1995
13.	Về hai trường hợp có biểu hiện rối loạn dẫn truyền nhĩ - thất trên bệnh nhân sốt xuất huyết dengue (Độ II)	3	X	Y học Dự phòng			5,Vol2 (20) Tr 77-81	1995
14.	Tìm hiểu một số dấu hiệu chẩn đoán sớm hội chứng sốc dengue ở trẻ em	2	X	Y học Thực hành			Tr 143-6	1995
15.	Đánh giá kết quả điều trị hội chứng sốc dengue bằng dung dịch NaCl 0,9% và glucose 10%	2	X	Y học Thực hành			1 Tr 20	1995

16.	Đặc điểm lâm sàng bệnh viêm não Nhật bản B ở trẻ em trong vụ dịch 1992	2		Y học Thực hành			5 Tr 26-8	1995
17.	Nhận định giá trị của một số chỉ số hóa sinh trong chẩn đoán viêm màng não do vi khuẩn và virus	4	X	Nhi Khoa			8(4) Tr 200-03	1999
18.	Tình hình bệnh truyền nhiễm trong 5 năm (1991-1995) tại Viện Nhi khoa	2		Nhi Khoa			8(3) Tr 162-167	1999
19.	Giá trị của dịch não tủy và CRP trong huyết thanh để chẩn đoán phân biệt viêm màng não mủ, lao và virus	3	X	Nhi Khoa	Hội nghị Nhi khoa toàn Quốc lần thứ 17		Tr 406-10	2000
20.	Vai trò của LDH trong chẩn đoán phân biệt các bệnh viêm màng não	3	X	Thông tin Y dược			10 Tr 33-6	2000
21.	Biến đổi của LDH trong máu và dịch não tủy ở bệnh nhân viêm màng não mủ và viêm màng não virus	3	X	Thông tin Y dược			8 Tr 24-7	2000
22.	Một số nhận xét về chẩn đoán viêm não màng não do lao ở trẻ em	1	X	Y học Dự phòng			1(86) Tr 45-9	2007
23.	Một số đặc điểm dịch tễ và lâm sàng bệnh viêm não Nhật Bản tại bệnh viện Nhi Trung ương trong vụ dịch 2005	1	X	Y học Dự phòng			7(92) Tr 5-9	2007

24.	Nghiên cứu các biến chứng của bệnh viêm màng não mũ trẻ em bằng chụp cắt lớp vi tính	2	X	Nghiên cứu Y học			57(4) Tr 233-8	2008
25.	Biểu hiện lâm sàng nhiễm <i>Penicilium marneffi</i> ở trẻ em HIV/AIDS	1	X	Y học Dự phòng			8(107) Tr 11-4	2009
26.	Nghiên cứu căn nguyên gây viêm màng não nhiễm khuẩn ở trẻ em	1	X	Y học Dự phòng			7(115) Tr 45-9	2010
27.	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị viêm màng não do phế cầu ở trẻ em	1	X	Y học Dự phòng			7(115) Tr 50-5	2010
28.	Nghiên cứu các yếu tố tiên lượng tử vong và di chứng trong viêm màng não mũ ở trẻ em	1	X	Y học Dự phòng			10(118) Tr 89-94	2010
29.	Đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị viêm màng não do <i>Hemophilus influenza</i> ở trẻ em	1	X	Y học Dự phòng			10(118) Tr 95-101	2010
30.	Đánh giá kết quả điều trị viêm màng não mũ ở trẻ em bằng hình ảnh chụp cắt lớp vi tính sọ não	2	X	Y học Thực hành			2(704) Tr 63-6	2010
31.	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng bệnh áp xe não ở trẻ em	1	X	Y học Thực hành			1(696) Tr 63-6	2010

32.	Các bệnh thường gặp ở trẻ HIV/AIDS được điều trị bằng thuốc kháng HIV tại trung tâm lao động 02 - Ba vì	1	X	Y học Thực hành			2(705) Tr 7-9	2010
33.	Tìm hiểu nguyên nhân tử vong ở trẻ HIV/AIDS tại bệnh viện Nhi Trung ương	1	X	Y học Dự phòng			1(109) Tr 45-8	2010
34.	Đặc điểm lâm sàng viêm não do Herpes simplex	2		Nghiên cứu Y học			74(3) Tr 147-50	2011
35.	Đặc điểm lâm sàng bệnh sởi ở trẻ em tại bệnh viện Nhi Trung ương trong 2 năm (2009 – 2010)	1	X	Y học Dự phòng			3(121) Tr 45-50	2011
36.	Đánh giá việc thực hiện điều trị bằng thuốc kháng vi rút tại phòng khám HIV-Bệnh viện Nhi Trung ương	1	X	Y học Dự phòng			1(119) Tr 56-60	2011
37.	Đánh giá kết quả điều trị bằng thuốc kháng vi rút ở trẻ em, trong điều kiện tuân thủ tốt	1	X	Y học Dự phòng			1(119) Tr 50-5	2011
38.	Lâm sàng đồng nhiễm HIV với viêm gan vi rút B,C	3		Y học Thực hành			(764) số 5	2011

SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN PGS								
Các công trình công bố trên tạp chí quốc tế								
39.	Effect of double dose oseltamivir on clinical and virological outcomes in children and adults admitted to hospital with severe influenza: double blind randomised controlled trial	151		BMJ (Q1)	SCIE/ Scopus (IF= 1,58)		346 f3039 doi: 10.1136 /bmj.f3039	2013
40.	Second-line protease inhibitor-based highly active antiretroviral therapy after failing non-nucleoside reverse transcriptase inhibitors-based regimens in Asian HIV-infected children	18		Antivir Ther (Q1)	SCIE/ Scopus (IF= 3,4)		18(4) p591-8	2013
41.	Incidence and predictors of severe anemia in Asian HIV-infected children using first-line antiretroviral therapy	18		Int J Infect Dis (Q2)	SCIE/ Scopus (IF= 2,72)		17(10) e806-10	2013

42.	A survey of paediatric HIV programmatic and clinical management practices in Asia and sub-Saharan Africa - the International epidemiologic Databases to Evaluate AIDS (IeDEA)	99		Journal of the International AIDS Society (Q1)	SCIE/ Scopus (IF= 3,85)		16: 17998	2013
43.	Evaluating immunologic response and clinical deterioration in treatment-naïve patients initiating first-line therapies infected with HIV-1 CRF01_AE and subtype B	89		J Acquir Immune Defic Syndr (Q1)	SCIE (IF= 4,13)		62(3): 293–300	2013 March
44.	Rates and Factors Associated with Major Modifications to First-Line Combination Antiretroviral Therapy: Results from the Asia-Pacific Region	186		PLoS ONE (Q1)	ISI/ Scopus (IF= 3.24)		Volume 8 Issue 6 e64902	2013 June
45.	HBV and HCV Co-infection among HIV/AIDS patients in the National Hospital of Tropical	3	X	AIDS Res Treat (Q2)	ISI/Scopus (IF= 2,09)			2014

	Diseases, Viet Nam							
46.	Detection and management of drug-resistant tuberculosis in HIV-infected patients in lower-income countries.	341		Int J Tuberc Lung Dis (Q1)	SCIE (IF= 2,8)		18(11) p 1327-36	2014
47.	Prognostic significance of the intervals between the initiation of antiretroviral therapy and anti-tuberculosis treatment in HIV-tuberculosis co-infected patients: Results from the TREAT AsiaHIV Observational Database	58		HIV Med (Q1)	Science Citation Index Expanded (IF= 3,18)		15(2): 77-85	2014 Februar
48.	Relationship between hyperglycemia and the risk of tuberculosis in Asian HIV positive individuals in the antiretroviral therapy era: cohort study	90		J Acquir Immune Defic Syndr (Q1)	SCIE (IF= 4,13)		66(5): e108-e111	2014 August
49.	Efficacy of Second-line antiretroviral therapy among people living with HIV/AIDS in Asia: Results From the TREAT Asia HIV Observational	8		J Acquir Immune Defic Syndr (Q1)	SCIE (IF= 4,13)		68(2) p186-95	2015

	Database							
50.	Effects of CD4 monitoring frequency on clinical endpoints in clinically stable HIV-infected patients with viral suppression	79		J Acquir Immune Defic Syndr (Q1)	SCIE (IF= 4,13)		69(3): e85–e92	2015 July
51.	Impact of orphan status on HIV treatment outcomes and retention in care of children and adolescents in Asia	21	X	J Virus Erad (Q1)	SCIE/ Scopus (IF= 2.04)		2(4) 227-31	2016
52.	Incidence of syphilis seroconversion among HIV-infected persons in Asia: results from the TREAT Asia HIV Observational Database	11		J Int AIDS Soc (Q1)	SCIE/ Scopus (IF= 3.85)		19(1) 20965	2016
53.	The occurrence of Simpson's Paradox if site-level effect was ignored in the TREAT Asia HIV Observational Database (TAHOD)”	77		J Clin Epidemiol (Q1)	SCIE (IF= 5,38)		76 p 183-192	2016
54.	Effects of unplanned treatment interruptions on HIV treatment failure– results from TAHOD	78		Trop Med Int Health (Q1)	Science Citation Index Expanded (IF= 2,6)		21(5): 662-674	2016 May

55.	Report on Three Patients with Decline of Cd4 T Cells Unknown Reasons.	3	X	J AIDS Clin Res (Q3)	ISI (IF= 3,9)		8(3) 4p	2017
56.	Chronic hepatitis C infection and liver disease in HIV co-infected patients in Asia	18		J Viral Hepat (Q1)	SCIE/ Scopus (IF= 3,7)		24(3) P 187-196	2017
57.	Loss to Follow-up Trends in HIV-Positive patients receiving antiretroviral treatment in Asia from 2003 to 2013	33		J Acquir Immune Defic Syndr (Q1)	SCIE (IF= 4,13)		74: 555-562	2017
58.	Comparison of Kaposi Sarcoma Risk in Human Immunodeficiency Virus-Positive Adults Across 5 Continents: A Multiregional Multicohort Study	348		Clinical Infectious Diseases (Q1)	Science Citation Index Expanded (IF= 9,0)		65(8):1 316-26	2017
59.	Epidemiological and Clinical Features of Dengue Infection in Adults in the 2017 Outbreak in Vietnam	10	X	Biomed Res Int (Q2)	SCIE/Scopus (IF= 2,4)		6p	2019
60.	The influence of age-associated comorbidities on responses to combination antiretroviral therapy in older people living with HIV	78		Journal of the International AIDS Society (Q1)	SCIE/ Scopus (IF= 3,85)		22: e25228	2019

61.	Long-term loss to follow-up in the TREAT Asia HIV Observational Database (TAHOD)	76		HIV Medicine (Q1)	Science Citation Index Expanded (IF= 3,18)		20: 439-449	2019
62.	Cardiovascular disease-related mortality and factors associated with cardiovascular events in the TREAT Asia HIV Observational Database (TAHOD)	71		HIV Medicine (Q1)	Science Citation Index Expanded (IF= 3,18)		20: 183-191	2019
63.	Diabetes mellitus burden among people living with HIV from the Asia-Pacific region	76		Journal of the International AIDS Society (Q1)	SCIE/ Scopus (IF= 3,85)		22: e25236	2019
64.	Implementation of "Treat-all" at adult HIV care and treatment sites in the Global IeDEA Consortium: results from the Site Assessment Survey.	368		Journal of the International AIDS Society (Q1)	SCIE (IF= 4,4)		22(7) e25331	2019
65.	Cotrimoxazole prophylaxis decreases tuberculosis risk among Asian patients with HIV	79		Journal of the International AIDS Society (Q1)	SCIE/ Scopus (IF= 3,85)		22: e25264	2019

66.	Diagnosis and clinical outcomes of extrapulmonary tuberculosis in antiretroviral therapy programmes in low- and middle-income countries: a multicohort study.	126		J Int AIDS Soc. (Q1)	SCIE (IF= 4,4)		22(9) e25392	2019
67.	First Full-Length Genome Sequence of Dengue Virus Serotype 2 Circulating in Vietnam in 2017	4		Infect Drug Resist (Q2)	SCIE (IF= 4,0)		13 4061-68	2020
68.	Epidemiological characteristics of dengue among Vietnamese children in the 2017 dengue outbreak	10		Systematic Reviews in Pharmacy (Q2)	ISI (IF= 5,3)		11(12) p113-8	2020
69.	Whole genome sequencing and genetic variations in several dengue virus type 1 strains from unusual dengue epidemic of 2017 in Vietnam	4		Virol (Q1)	SCIE (IF= 3,6)		17(7) 10p	2020
70.	Atherosclerotic cardiovascular disease screening and management protocols among adult HIV clinics in Asia	28		J Virus Erad (Q2)	SCIE /Scopus (IF= 2.04)		6(1) P 11-18	2020

71.	Prevalence, Characteristics, and Factors Associated with Acute Kidney Injury among Adult Dengue Patients in Vietnam.	2	X	Am J Trop Med Hyg (Q2)	SCIE (2,35)	104(3) p 1067-71	2021
72.	HIV treatment outcomes among people who acquired HIV via injecting drug use in the Asia-Pacific region: a longitudinal cohort study	21		J Int AIDS Soc. (Q1)	SCIE/ Scopus (iF= 3.85)	24(5) e25736	2021
73.	Prognostic indicators associated with progresses of severe dengue	2	X	PLOS One (Q1)	ISI/ Scopus (3,24)	17(1) 11p	2022
74.	Patterns and prognosis of holding regimens for people living with HIV in Asian countries	23		PLoS ONE (Q1)	ISI/ Scopus (IF= 3.24)	17(3) e02641 57	2022
75.	Disparities in Dolutegravir Uptake Affecting Females of Reproductive Age With HIV in Low- and Middle-Income Countries After Initial Concerns About Teratogenicity: An Observational Study.	212		Ann Intern Med (Q1)	SCIE (IF= 25.4)	175(1) p84-94	2022

76.	Đánh giá kết quả điều trị viêm não do vi rút Herpes simplex	3	X	Y học Dự phòng			1(27) p147-50	2012
77.	Đặc điểm lâm sàng bệnh sốt xuất huyết Dengue theo các Typ vi rút Dengue gây bệnh	4		Y học Dự phòng			2(137) p30-4	2013
78.	Đặc điểm dịch tễ của typ Dengue gây bệnh giai đoạn 8/2011 –8/2012	4		Nghiên cứu Y học			83(3) 211-15	2013
79.	Đặc điểm lâm sàng ở bệnh nhân sán lá gan lớn điều trị tại bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương, 2006 - 2013	2		Truyền nhiễm Việt Nam			2(3) p38-41	2013
80.	Tổn thương gan trong bệnh sốt xuất huyết dengue ở người trưởng thành	3		Nghiên cứu Y học			88(3) p55-60	2014
81.	Báo cáo trường hợp nhiễm nấm huyết <i>Kodamaea ohmeri</i> tại Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	3		Truyền nhiễm Việt Nam			1(5) p84-8	2014
82.	Đặc điểm dịch tễ, lâm sàng và kết quả điều trị bệnh sởi trẻ em tại bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương, vụ dịch 2014	4		Truyền nhiễm Việt Nam			3(7) p12-6	2014

83.	Nhận thức về bệnh sởi của các bà mẹ chăm con tại bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	4		Điều dưỡng Việt Nam			6, p 87-91	2014
84.	Lâm sàng và kết quả điều trị bệnh nhân sốt rét tại bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương (2011-2014)	3		Truyền nhiễm Việt Nam			4(8) p40-3	2014
85.	Đánh giá giá trị của chỉ số APRI và Fibroscan ở bệnh nhân viêm gan vi rút C mạn tính.	2		Truyền nhiễm Việt Nam			1(5) p16-20	2014
86.	Đặc điểm dịch tễ, lâm sàng bệnh viêm não- màng não do Angiostrongylus Cantonensis	3	X	Nghiên cứu Y học			96(4) p60-6	2015
87.	Đánh giá kết quả điều trị bệnh nhân viêm gan vi rút C mạn tính bằng phác đồ Peg - Interferon α -2b kết hợp ribavirin (07/2013-04/2015)	5		Truyền nhiễm Việt Nam			Số ĐB 1-2015	2015
88.	Đánh giá hiệu quả điều trị viêm gan virus C mạn tính bằng Peginterferon phối hợp ribavirin	5		Y học Việt Nam	Hội nghị vùng Bắc Bộ		Số đặc biệt p503-9	2015 Tháng 11

	tại Việt Nam							
89.	Đánh giá sự thay đổi mô bệnh học ở bệnh nhân viêm gan virus C mạn tính được điều trị bằng Peginterferon phối hợp ribavirin	4		Y học Việt Nam	Hội nghị vùng Bắc Bộ		Số đặc biệt p510-15	2015 Tháng 11
90.	Giá trị của Fibroscan trong đánh giá mức độ xơ hóa gan trên bệnh nhân viêm gan vi rút C mạn tính (7/2013-6/2014)	4		Truyền nhiễm Việt Nam			1(9) p35-8	2015
91.	Đặc lâm sàng và kết quả điều trị bệnh ho gà ở trẻ em tại bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	2		Y học Dự phòng			Tập XXV số 12+13 (172+173)	2015
92.	Một số biểu hiện dịch tể, lâm sàng bệnh viêm não – màng não do Toxocara Canis	4	X	Truyền nhiễm Việt Nam	Hội nghị toàn Quốc		3(15) p1-5	2016
93.	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, giá trị của tiêu cầu và chỉ số APRI trong chẩn đoán giai đoạn xơ hoá ở bệnh nhân viêm gan vi rút C mạn tính	2		Truyền nhiễm Việt Nam			2(14) p6-10	2016
94.	Tiến triển xơ hóa gan theo kết quả fibroscan ở bệnh nhân viêm gan vi rút C mạn tính được điều trị bằng thuốc	4		Truyền nhiễm Việt Nam			Số đặc biệt 1 – 2016	2016

	kháng vi rút							
95.	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ở bệnh nhân viêm gan virus C mạn tính điều trị tại Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương (01/2012 – 12/2015).	3		Truyền nhiễm Việt Nam			3 (19): 14 – 19	2017
96.	Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ, lâm sàng và xét nghiệm ở bệnh nhân sốt mò điều trị tại bệnh viện bệnh Nhiệt đới Trung ương (3/2015-3/2017)	5		Truyền nhiễm Việt Nam			4 (20) 11-16	2017
97.	Epidemiological and clinical features of dengue hemorrhagic fever in children treated at National Hospital for Tropical Diseases, in outbreak of the year 2017	10	X	Vietnam Journal of Infectious Diseases	Hội nghị Quốc tế		3(23) p23-7	2018
98.	Epidemiological and clinical features of dengue hemorrhagic fever in adults, in National Hospital for Tropical Diseases, outbreak 2017	9		Vietnam Journal of Infectious Diseases	Hội nghị Quốc tế		3(23) p50-4	2018
99.	Determine the prognostic factors for severe dengue	9		Vietnam Journal of Infectious	Hội nghị Quốc tế		3(23) p14-6	2018

	hemorrhagic fever in children			Diseases				
100.	Clinical manifestations, paraclinical profile and predictors of outcome of scrub typhus at National hospital for Tropical Diseases in Northern Vietnam	5		Vietnam Journal of Infectious Diseases	Hội nghị Quốc tế		3(23) p36-44	2018
101.	Các yếu tố tiên lượng tử vong ở bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết do tụ cầu vàng điều trị tại bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương (7/2013-6/2018)	3		Truyền nhiễm Việt Nam			Số 1(25): Tr 20-24	2019
102.	CD4 cell disorder in patients with severe infections	3	X	Journal of military pharmacom edicine	Hội nghị Quốc tế		2 p177-84	2019
103.	Các yếu tố tiên lượng bệnh sốt xuất huyết dengue dựa vào các biomarkers	3		Truyền nhiễm Việt Nam			2(30) p73-9	2020
104.	Clinical characteristics of severe dengue in children during 2017 outbreak	3		Vietnam Journal of Infectious Diseases			4 (32-06) p65-69	2020
105.	Đặc điểm sinh học phân tử và mối liên quan với lâm sàng của typ dengue 1 gây dịch năm 2017	3		Nghiên cứu Y học			139(3) 108-16	2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau khi được công nhận PGS: 06 bài, gồm các bài số 45, 51, 55, 59, 71, 73.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: Không

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

2					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Giấy chứng nhận đã tham gia xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học Trường Đại học Y Hà Nội					Ngày 27/05/2022, Hiệu trưởng Nguyễn Hữu Tú đã ký
2	Thành lập Tổ rà soát, soạn thảo xây dựng chương trình đào tạo liên thông VLVH Cử nhân điều dưỡng và biên soạn quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học	Tham gia	Quyết định số 3004/QĐ-ĐHYHN, ngày 14 tháng 08 năm 2017	Trường Đại học Y Hà Nội	Quyết định số 4796/QĐ-ĐHYHN, ngày 26 tháng 10 năm 2017	Bộ môn Truyền nhiễm đã thực hiện đào tạo

	tập ở trình độ cao đẳng					
3	Quyết định: Về việc thành lập Ban xây dựng chương trình chi tiết đào tạo bác sỹ trẻ tình nguyện tham gia Dự án 585	Tham gia	Quyết định số: 2751/QĐ-ĐHYHN, ngày 01/08/2014	Bộ Y tế	Quyết định số: 1251/QĐ-BYT, ngày 06 tháng 04 năm 2016	Bộ môn Truyền nhiễm đã thực hiện đào tạo học viên của dự án 585 theo phân công của trường ĐHYHN
4	Quyết định về việc thông qua và ban hành khung chương trình đào tạo CKII, Cao học, CKI và BSNT Khung chương trình đào tạo Sau Đại học Đào tạo Cao học	Tham gia		Trường Đại học Y Hà Nội	31/ĐHYHN-QĐ Ngày 08/01/2015	Thời gian: 2 năm (Hệ tập trung)
	Chương trình đào tạo Thạc sỹ Truyền nhiễm và các Bệnh Nhiệt đới Chuyên ngành: Truyền nhiễm và các Bệnh Nhiệt đới	Tham gia		Trường Đại học Y Hà Nội	31/ĐHYHN-QĐ Ngày 08/01/2015	Mã số: 62.72.38 Thời gian đào tạo: 2 năm (Hệ tập trung)

	Trình độ đào tạo: Thạc sỹ					
	<p>Khung chương trình đào tạo Sau Đại học</p> <p>Đào tạo Bác sỹ Nội trú</p> <p>Hình thức đào tạo: tập trung</p> <p>Thời gian: 3 năm</p>	Tham gia		Trường Đại học Y Hà Nội	31/ĐHYHN-QĐ Ngày 08/01/2015	Chuyên ngành Truyền nhiễm
	<p>Chương trình đào tạo Bác sỹ chuyên khoa II</p> <p>Chuyên ngành: Truyền nhiễm và các Bệnh Nhiệt đới</p> <p>Trình độ đào tạo: Bác sỹ CKII</p>	Tham gia		Trường Đại học Y Hà Nội	31/ĐHYHN-QĐ Ngày 08/01/2015	Mã số: CK 62.72.38.01 Thời gian đào tạo: 2 năm
	<p>Chương trình đào tạo chuyên khoa II Vi sinh Y học</p> <p>Chuyên ngành: Vi sinh Y học</p> <p>Trình độ đào</p>	Tham gia (Môn hỗ trợ 1: Dịch tễ học các bệnh nhiễm trùng)		Trường Đại học Y Hà Nội	31/ĐHYHN-QĐ Ngày 08/01/2015	Mã số: 62.72.68.01 Thời gian đào tạo: 2 năm

	tạo: Chuyên khoa II					
	Chương trình đào tạo Bác sỹ Nội trú Vi sinh Y học Chuyên ngành: Vi sinh Y học Trình độ đào tạo: Bác sỹ Nội trú	Tham gia (Môn hỗ trợ I: Các bệnh truyền nhiễm quan trọng trong Y học)		Trường Đại học Y Hà Nội	31/ĐHYHN- QĐ Ngày 08/01/2015	Mã số: NT 62.72.68.01 Thời gian đào tạo: 3 năm

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS: Đủ (từ năm 2011 – 2022)

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng)

b) Hoạt động đào tạo: Đủ

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu).

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu).

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 1 NCS được cấp bằng TS thiếu: Không

+ Đã hướng dẫn chính HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Không

c) Nghiên cứu khoa học: Đủ

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS): Đủ

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Bùi Vũ Huy